

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/QĐST-DS

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên họp: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST - VDS về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-VDS ngày 08 tháng 11 năm 2025 và các **Quyết định Hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST - DS ngày 21 tháng 11 năm 2025; số 02/2025/QĐST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2025** gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà , tổ dân phố , phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 44, đường Ng, phường Đ (trước đây là phường M), tỉnh Điện Biên.

+ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 44, Tổ dân phố, phường Đ, (trước đây là phường M), tỉnh Điện Biên.

+ Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà, đường Ng, phường Đ (trước đây là phường M), tỉnh Điện Biên.

+ Công ty cổ phần T - Điện Biên.

Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1986, chức danh: Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, phường Ch, thành phố S, tỉnh Sơn La.

+ Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Điện Biên (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1/61, tổ 7, phường Đ, tỉnh Điện Biên

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 136, tổ 6, phường Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung có nội dung như sau:

Tại Quyết định số: 20/2020/QĐST- DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định: Bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền 496.900.000 đồng và lãi đối với số tiền chậm trả.

Tại Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 475/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên bà H còn phải trả cho ông C 398.100.000 đồng. Nhưng hiện nay bà H không còn tài sản riêng để Thi hành án.

Hiện ông Đinh Văn T (Chồng bà Nguyễn Thị H) có sở hữu 700.000 (bảy trăm nghìn) cổ phần có giá trị số tiền 7.000.000.000 VNĐ (bảy tỷ đồng) tại thời điểm góp vốn vào công ty T - Điện Biên năm 2017. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Mã số dự án 7628266821 ngày 17 tháng 3 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 5600297753, đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 4 năm 2017. Là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông T, bà H.

Quá trình giải quyết thi hành án ông T, bà H cho rằng số cổ phần trên không phải là tài sản chung vợ chồng. Do đó cơ quan Thi hành án dân sự không có căn cứ để xử lý tài sản để thi hành án cho ông C.

Căn cứ thông báo số: 246/TB- PTHADSKV2, ngày 22 tháng 07 năm 2025; Thông báo số 72/TB-PTHADSKV2 ngày 18/8/2025 của Phòng Thi hành án dân

sự khu vực 2 - Điện Biên, Về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án, ông C có quyền đề nghị ông Đinh Văn T (chồng của bà H) thỏa thuận phân chia tài sản chung, khởi kiện tại Tòa án, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với tài sản trên để thực hiện việc thi hành án theo quy định.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, Ông C đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên. Xác định phần sở hữu của bà H trong số 700.000 (bảy trăm nghìn) cổ phần có giá trị số tiền 7.000.000.000 VNĐ (bảy tỷ đồng) tại thời điểm góp vốn vào công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên năm 2017. Đề Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Điện Biên, xử lý phần tài sản của người phải thi hành án theo quy định.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà và ông T là vợ chồng kết hôn vào tháng 10/1984. Do lũ lụt nên đã mất hết giấy tờ kết hôn và không cung cấp được cho Tòa án. Đối với yêu cầu của ông C có yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông Đinh Văn T. Tài sản yêu cầu xác định là 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) tại thời điểm góp vốn vào công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên năm 2017. Bà H có ý kiến như sau:

Do vợ chồng bà làm ăn thua lỗ đã phá sản không còn tài sản gì, vợ chồng mâu thuẫn không còn quan tâm đến công việc làm ăn của nhau nên năm 2017 gia đình anh chị em ruột của bà đã họp lại và có thống nhất, để tạo điều kiện cho ông T có vốn làm ăn và gia đình bà không đổ vỡ. Em trai bà là ông Nguyễn Thành C sẽ đứng ra cho ông T vay số tiền 7.000.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty cổ phần T - Điện Biên. Việc ông C1 cho ông T vay tiền để làm ăn bà cũng chỉ nghe anh em nói lại, vì lúc đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên không còn can thiệp vào công việc của nhau. Qua các em bà nói lại là ông C1 cho ông T vay số tiền thỏa thuận nếu sau này ông T không trả được nợ cho ông C1 thì ông T phải chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà ông T đang nắm giữ tại Công ty cổ phần T - Điện Biên. Do công ty làm ăn thua lỗ, không có thu nhập để trả nợ cho ông C1. Đến hạn trả nợ, ông T không trả được tiền cho ông C1 nên ông T đã nhiều lần khất nợ và đến ngày 15/01/2025 ông T đã chuyển nhượng toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của công ty. Giá trị cổ phần chuyển nhượng là 7.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thành C.

Nay ông Nguyễn Hữu C yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của bà trong số 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên. Giá trị cổ phần là 7.000.000.000 đồng. Quan điểm của bà H. Số tiền 7.000.000.000 đồng ông T góp vốn vào công ty là do ông T vay của ông C1. Bản thân bà không đóng góp gì vào số tiền đó, thời điểm đó gia đình bà phá sản không còn tài sản gì của 2 vợ chồng, bản thân bà cũng đã phải trả các khoản bà vay riêng như khoản tiền bà vay của ông C và nhiều khoản bà vay riêng khác, bà không có quyền sở hữu nào trong số tiền ông T góp vốn thời điểm năm 2017

cũng như trong suốt quá trình ông T làm tại Công ty cổ phần T - Điện Biên. Việc ông T đã chuyển nhượng toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên cho ông C1 và có hợp đồng chuyển nhượng. Vì vậy toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên thuộc sở hữu của ông C1. Bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông C.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T trình bày:***

Ông có 10% vốn góp tại Công ty cổ phần T Điện Biên là do ông vay toàn bộ số tiền góp của người thân để góp vốn vì ông làm ăn bị phá sản từ năm 2014-2015. Để đảm bảo cuộc sống hiện tại gia đình lúc đó không bị tan vỡ, em vợ ông là ông Nguyễn Thành C đã đầu tư cho ông góp vốn. Sau khi họp toàn thể gia đình (Biên bản họp gia đình ngày 25/02/2017) toàn thể gia đình đã nhất trí theo biên bản họp gia đình, ông Nguyễn Thành C bắt đầu rút vốn cho ông vay để góp vốn xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn cùng với các cổ đông bên phía Trung Quốc từ tháng 3/2017 đến ngày 15/9/2017. Hình thức cho vay bằng tiền mặt, nhiều lần trong 06 tháng để góp xây dựng Nhà máy.

Ngày 15/9/2017 ông đã nhận đủ số tiền là 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng chẵn). Ông cùng ông C1 làm giấy vay tiền, hai bên đã thỏa thuận, thời gian vay là 05 năm (Từ 15/9/2017 – 15/9/2022). Ông đã cam đoan sau thời gian trên nếu ông không trả được số tiền này thì ông sẽ trả bằng cách trả cổ phần của ông T nắm giữ tại Công ty cổ phần T cho ông Nguyễn Thành C. Trong thời gian trên do việc làm ăn không thuận lợi, sự cố nhà máy và tai nạn lao động gây chết người (01 công nhân Trung Quốc chết năm 2018). Đến năm 2019 do tình hình đại dịch Covid 19 diễn ra trong 03 năm, do đó nhà đầu tư Trung Quốc và công nhân kỹ thuật bên Trung Quốc không sang sản xuất được. Vì lý do trên ông T đã trình bày với ông C1 cho giãn nợ tiếp 02 năm nữa (từ 16/9/2022 – 16/9/2024) và đã được ông C1 chấp nhận theo giấy khất nợ ngày 16/9/2024. Do biến động thương mại toàn cầu nên việc sản xuất kinh doanh không hiệu quả, sản xuất bấp bênh gây thua lỗ, đến hạn khất nợ ông T vẫn chưa trả được nợ cho ông C1. Vì lý do trên ông C1 đã không gia hạn nợ tiếp cho ông T mà đòi chuyển cổ phần của ông T để trả ông C1 theo thỏa thuận ban đầu của giấy vay tiền đã cam kết. Không còn con đường nào khác ông T đành phải nhượng lại cổ phần 10% cổ phần cho ông C1 vào ngày 15/01/2025 (có hợp đồng chuyển nhượng và thanh lý hợp đồng).

Quan điểm của ông T, tiền góp cổ phần là tiền cá nhân ông vay để góp vốn hoàn toàn số tiền này không phải gia đình, vợ ông không có để góp. Gia đình ông làm ăn thua lỗ phá sản doanh nghiệp xây dựng từ trước nên không còn vốn liếng gì để góp vốn vào Công ty cổ phần T mà đây là giải pháp tạo điều kiện cho gia đình ông làm ăn, hiện nay vợ chồng ông không có nhà ở và đang phải đi thuê nhà để ở. Bản thân ông phải làm bảo vệ cho Công ty cổ phần T - Điện Biên. Ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông C.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 11 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C trình bày:

Do ông T và bà H làm ăn thua lỗ đã phá sản không còn tài sản gì nên gia đình ông T, bà H có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do kinh tế. ngày 25/02/2017 gia đình đã họp lại và có thống nhất, để tạo điều kiện cho ông T và bà H có vốn làm ăn và gia đình không đổ vỡ và ông sẽ đứng ra cho ông T vay số tiền 7.000.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty cổ phần T - Điện Biên. Ông đã nhiều lần chuyển tiền mặt cho ông T, ngày chuyển cụ thể ông không nhớ rõ. Đến ngày 15/9/2017 ông và ông T mới viết giấy vay tiền có chữ ký của ông T, ông cùng sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ số nhà 137, tổ 6, phường Điện Biên Phủ (trước đây là phường Mường Thanh), tỉnh Điện Biên và bà Nguyễn Thị Thanh Ng, địa chỉ số nhà 1/61, tổ 7 phường Điện Biên Phủ (trước đây là phường Tân Thanh), tỉnh Điện Biên. Thỏa thuận thời hạn vay là 05 năm từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/9/2022, nếu đến hạn ông T không trả được nợ thì ông T phải chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà ông T đang nắm giữ tại Công ty cổ phần T - Điện Biên cho ông C1. Đến hạn trả nợ, ông T không trả được tiền cho ông C1, nhà máy sản phẩm thua lỗ, ông T đã nhiều lần khát nợ và đến ngày 15/01/2025 ông T đã chuyển nhượng toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của công ty cho ông C1. Giá trị cổ phần chuyển nhượng là 7.000.000.000 đồng. Mặc dù trong hợp đồng có thể hiện trong vòng 3 ngày làm việc ông C1 phải thanh toán cho ông T số tiền 7.000.000.000 đồng nhưng thực tế ông C1 không chuyển tiền cho ông T mà được trừ vào số tiền 7.000.000.000 đồng ông T vay của ông. Hợp đồng chuyển nhượng đã được chủ tịch HĐQT của công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên xác nhận. Ông cho ông T vay tiền để góp vốn, bà H có biết nhưng không ký vào các giấy tờ vay tiền. Nay ông Nguyễn Hữu C yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của bà H trong số 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên. Giá trị cổ phần chuyển nhượng là 7.000.000.000 đồng. Quan điểm của ông C1. Ông T đã chuyển nhượng toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên cho ông C1 và có hợp đồng chuyển nhượng vì vậy toàn bộ 700.000 cổ phần, tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần T - Điện Biên thuộc sở hữu của ông C1. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Ông C1 và ông T, bà H cũng như Công ty cổ phần T - Điện Biên không tranh chấp gì về hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông và ông T.

Tại công văn số 11/2025/CVHĐDB ngày 28/11/2015 của Công ty cổ phần T Điện Biên có nội dung:

Ông Đinh Văn T là cổ đông sáng lập của công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600297753 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp ngày 04/04/2017. Ông Đinh Văn T là một cổ đông sở hữu số cổ phần là: 700.000 cổ phần có giá trị 7.000.000.000 đồng (Bảy tỉ đồng) tương đương 10% vốn điều lệ của công ty.

Vào ngày 15/01/2025 Ông Đinh Văn T có ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho Ông Nguyễn Thành C (CCCD số: 034074019853 cấp ngày 09/05/2021 có HKTT tại: Tổ 9, P. Đoàn Kết, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu) có biên bản họp và xác nhận của Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty.

Tính đến thời điểm hiện tại việc thực hiện chuyển nhượng cổ phần giữa ông Đinh Văn T và ông Nguyễn Thành C chưa cung cấp chứng từ kê khai nộp thuế khi thực hiện chuyển nhượng cổ phần nên Công ty chưa có cơ sở để thực hiện thay đổi, cập nhật danh sách cổ đông mới là ông Nguyễn Thành C theo quy định.

Các tài liệu do Công ty cổ phần T - Điện Biên cung cấp thể hiện: Ngày 10/7/2024, công ty đã miễn nhiệm chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty đối với ông T và đã thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Hoàng Văn Tùng, sinh năm 1986, chức danh Giám đốc, địa chỉ: Tổ 12, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Ngày 10/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã họp, các thành viên HĐQT đã đồng ý cho ông T chuyển nhượng 10% cổ phần (tương đương 7 tỷ đồng) cho ông Nguyễn Thành C.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2025 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ng và bà Nguyễn Thị H thể hiện: Bà Nga và bà Hảo là em gái của bà H và là em vợ của ông T. Do ông T, bà H làm ăn thua lỗ, không còn tài sản gì nên gia đình có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do kinh tế. Ngày 25/02/2017, gia đình đã họp thống nhất việc ông C1 sẽ đứng ra cho ông T vay số tiền 7.000.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty cổ phần T - Điện Biên. Khi vay thì ông T và ông C1 có thỏa thuận thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/9/2022), nếu đến hạn ông T không trả được nợ thì phải chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà ông T nắm giữ tại Công ty cho ông C1. Bà Nga, bà Hảo có biết và chứng kiến việc thỏa thuận giữa ông C1 và ông T.

Tại phiên họp:

Ông Nguyễn Hữu C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng là 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) tại thời điểm góp vốn vào công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên năm 2017.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Điện Biên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán giải quyết việc dân sự, Thư ký phiên họp: Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý việc dân sự đến khi có QĐ mở phiên họp và tại phiên họp người yêu cầu và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng của Bộ luật TTDS năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 9 Điều 27; Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361 Bộ luật Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 74, 75 Luật Thi hành án dân sự; Các Điều 33, 43, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu C về việc xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng.

Về lệ phí: Đề nghị Tòa án căn cứ Khoản 1 Điều 149 BLTTDS, Điều 4, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng lệ phí ông C đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu C yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng để thi hành án. Đây là yêu cầu về việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên quy định tại khoản 9 Điều 27; Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361 Bộ luật Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu của ông Nguyễn Hữu C xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng để thi hành án. Tài sản ông C yêu cầu xác định là 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) đứng tên ông Đinh Văn T trong thời kỳ hôn nhân với và Nguyễn Thị H tại thời điểm góp vốn vào công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên năm 2017.

Về nguồn gốc số tiền hình thành 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) được thể hiện tại biên bản họp gia đình ngày 25/02/2017 có nội dung, anh em hai bên gia đình ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị H cùng nhau họp bàn thống nhất góp vốn cho ông T vay tiền để đầu tư 10% vào nhà máy chế biến tinh bột sắn với người Trung Quốc tương ứng với số tiền 7.000.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thành C sẽ đầu tư toàn bộ số vốn góp cho ông T với số tiền 7.000.000.000 đồng. Trong 05 năm nếu ông T không trả được thì ông T sẽ chuyển toàn bộ cổ phần mà ông T nắm giữ tại công ty cho ông C1 có người người làm chứng chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị Thanh Ng xác nhận. Các giấy vay tiền đề ngày 17/3/2017; 20/5/2017; 28/7/2017; 05/9/2017; 15/9/2017 giấy xin khát nợ ngày 16/9/2022 đều do một mình ông T ký tên người vay. Mặc dù số tiền góp vốn được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà H nhưng quá trình vay tiền và việc góp vốn bà H không tham gia, không ký, không thỏa thuận cùng chịu trách nhiệm. Việc ông T vay không vì mục đích

nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông T vay tiền của ông C1 có thỏa thuận rõ ràng, vay tiền để góp vốn, nếu không trả được thì sẽ trả cho ông C1 bằng số cổ phần đã góp vốn tại công ty bột Hồng Diệp - Điện Biên.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng là tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp tài sản được hình thành từ tài sản riêng. Theo Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng là tài sản riêng của người đó. Xét thấy trong vụ việc này, khoản tiền dùng để góp vốn hình thành cổ phần không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là khoản tiền vay riêng, phát sinh từ nghĩa vụ riêng của ông T theo quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do giao dịch vay không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và không có sự tham gia của bà H Mặt khác, ông C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có thỏa thuận nhập số cổ phần này vào khối tài sản chung của vợ chồng hoặc bà H có công sức đóng góp, quyền lợi hợp pháp đối với số cổ phần nêu trên.

Do đó, không có căn cứ xác định 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) đứng tên ông Đình Văn T tại thời điểm góp vốn vào công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên năm 2017 là tài sản chung của bà H và ông T.

Theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, việc xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án chỉ được thực hiện đối với tài sản chung mà người phải thi hành án có quyền sở hữu. Trong vụ việc này số cổ phần không phải là tài sản chung của ông T và bà H. Đồng thời, tại thời điểm ông C nộp đơn yêu cầu thì ông T không còn quyền sở hữu đối với số cổ phần, do đã chuyển nhượng cho người cho vay theo thỏa thuận. Hồ sơ thể hiện:

Giữa ông T và ông C1 có thỏa thuận, nếu đến hạn không trả được nợ thì trả bằng cổ phần. Ngày 16/9/2022, ông T đã khất nợ ông C1 theo giấy khất nợ.

Đến ngày 15/01/2025 ông T đã chuyển nhượng cổ phần của Công ty tinh bột Hồng Diệp Điện Biên cho ông C1. Việc chuyển nhượng được sự thông nhất của các thành viên hội đồng quản trị (theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 10/01/2025) đồng ý cho ông T chuyển nhượng 10% cổ phần cho ông Nguyễn Thành C. Đến thời điểm Tòa án mở phiên họp, ông T, ông C1 và công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng. tại thời điểm này ông T không còn tài sản là 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) tại Công ty cổ phần T.

Trường hợp người có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục chung không thuộc phạm vi áp dụng giải quyết việc dân sự theo quy định tại điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng là 700.000 (Bảy trăm

ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) tại công ty tinh bột Hồng Diệp - Điện Biên, thời điểm góp vốn vào năm 2017 để thi hành án.

[3] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông đã nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Điện Biên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000076** ngày 03/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27; Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361, 366, 369, 370 Bộ luật Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 74, 75 Luật Thi hành án dân sự; Các Điều 33, 43, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu C về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng là 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phần có giá trị là 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng chẵn) tại công ty T - Điện Biên, thời điểm góp vốn vào năm 2017 để thi hành án.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông C đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 -Điện Biên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000076** ngày 03/10/2025.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DB;
- VKSND khu vực 2 - Đ.B;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu kết quả.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đặng Thị Thùy Dương

